

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **41** /2019/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **18** tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế công tác thi đua,
khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày **29** tháng 7 năm 2019 và thay thế Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Ban TĐ-KT TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Thành viên HĐ TĐ-KT tỉnh;
- Ban LĐVP;
- Website Chính phủ;
- Các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, THNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
Tỉnh Trà Vinh
19-07-2019 08:20:19 +07:00

Đông Văn Lâm

QUY CHẾ

Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44 /2019/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn, các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế, các đơn vị sự nghiệp; quy định về nội dung thi đua, trách nhiệm tổ chức các phong trào thi đua; các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp; quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; công nhân, nông dân, người lao động trong tỉnh; tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng, căn cứ xét danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

a) Nguyên tắc thi đua: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

b) Căn cứ xét danh hiệu thi đua: Căn cứ vào phong trào thi đua, kết quả thực hiện các nội dung thi đua, tiêu chí thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua để xét danh hiệu thi đua; tập thể, cá nhân không đăng ký danh hiệu thi đua sẽ không được xem xét tặng các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

a) Nguyên tắc khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP), Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (gọi tắt là Luật Thi đua, Khen thưởng sửa đổi năm 2013), Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ (gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BNV). Ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc theo quy định hiện hành, còn đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Trong cùng một năm công tác, mỗi tập thể, cá nhân được xét tặng không quá 02 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, trừ khen thưởng đột xuất).

- Tổ chức bình xét khen thưởng theo từng nhóm đối tượng giữa những người giữ chức vụ tương đương nhau:

+ Giữa ban lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các chức danh tương đương trong cùng cơ quan; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trong cùng địa phương.

+ Giữa lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc, các chức danh tương đương trong cùng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; giữa lãnh đạo các phòng, ban và các chức danh tương đương; giữa Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong một huyện, thị xã, thành phố.

+ Giữa công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cùng cơ quan, đơn vị, địa phương và người lao động trực tiếp với nhau. Trong nhóm này, có thể phân ra những người có cùng hoặc gần giống nhau về ngành, nghề, nhiệm vụ được giao để xét thi đua, khen thưởng.

b) Căn cứ xét khen thưởng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG TỔ CHỨC PHÒNG TRÀO THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề): Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật Thi đua, Khen thưởng sửa đổi năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và không giới hạn số lượng.

Điều 9. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng vào dịp tổng kết năm theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” do Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh quy định, gồm những đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý và có quyết định thành lập.

Điều 11. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng vào dịp tổng kết năm theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” như sau:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học (trừ các trường thuộc tỉnh: Đại học Trà Vinh, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Nghề và Trường Chính trị), bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng thuộc bệnh viện cấp tỉnh hoặc thuộc các trường học.

3. Tỷ lệ xét đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Đối với sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh: Xét chọn không quá 50% trong tổng số phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

b) Đối với cấp huyện: Xét chọn không quá 50% trong tổng số phòng, ban các đơn vị tương đương thuộc huyện, thị xã, thành phố và 50% Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

c) Các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã xét chọn không quá 40% trong tổng số đơn vị trực thuộc như: Xí nghiệp, phòng, phân xưởng có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp xét chọn không quá 40% trong tổng số trường học, bệnh viện, trung tâm và tương đương và không quá 40% các tập thể khoa, phòng trực thuộc.

Điều 12. Danh hiệu Cờ thi đua

1. Danh hiệu “Cờ thi đua cấp tỉnh”

a) Tặng cho các đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 đã được tổ chức thi đua theo cụm, khối đăng ký và ký kết giao ước theo quy định của cấp có thẩm quyền, dẫn đầu khối, cụm thi đua, tổng số điểm thi đua phải đạt cao hơn điểm chuẩn được cụm, khối bình chọn và đề nghị (Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua khối, cụm, trong đó xây dựng tiêu chí thi đua, thang điểm).

b) Tặng cho các đơn vị, địa phương đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phát động được đánh giá bình chọn là đơn vị dẫn đầu khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên (trừ chuyên đề công tác tuyển quân, được xem xét hằng năm).

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Tặng cho các đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương IV HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 13. Giấy khen

Tặng cho tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 42 Điều 1 Luật Thi đua, Khen thưởng sửa đổi năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Việc xét tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình thực tế xem xét, quyết định.

Điều 14. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Thực hiện theo Khoản 39 Điều 1 Luật Thi đua, Khen thưởng sửa đổi năm 2013 và Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

a) Đối với cá nhân

- Xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

- Mỗi xã, phường, thị trấn xét không quá 10% tổng số người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm, xã, phường, thị trấn.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là người không hưởng lương Nhà nước có thành tích tiêu biểu xuất sắc hàng năm; cấp tỉnh chọn không quá 02 cá nhân; mỗi huyện, thị xã, thành phố xét chọn không quá 05 cá nhân (trong đó số lượng đề nghị khen thưởng cấp xã nhiều hơn cấp huyện).

b) Đối với tập thể

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và tương đương được bình xét trong phong trào thi đua hàng năm theo cụm, khối thi đua, tổng số điểm thi đua phải đạt điểm chuẩn trở lên. Số lượng xét khen thưởng theo quy định bình xét thi đua khối, cụm.

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho các đối tượng tại Khoản 2 Điều 11 Quy chế này, có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

- Đối với xã, phường, thị trấn: Mỗi xã, phường, thị trấn xét chọn 01 ấp (hoặc khóm) có thành tích tiêu biểu xuất sắc.

c) Đối với công nhân, nông dân, người lao động: Công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Lập được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc thành tích đột xuất xuất sắc, tiêu biểu trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã.

- Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ, chuyên môn, tay nghề.

- Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, có đóng góp giúp đỡ hộ dân thực hiện tốt giảm nghèo bền vững.

d) Đối với những cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không thuộc đối tượng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng tổng kết năm), nhưng có tham gia khối, cụm thi đua của tỉnh, hàng năm khi tổng kết thi đua khối, cụm, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Bằng khen không quá 5% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Những cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dẫn đầu phong trào thi đua, được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen thêm cho 01 tập thể và 01 cá nhân (ngoài chỉ tiêu quy định).

2. Khen thưởng chuyên đề

a) Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh phát động hoặc do sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh phát động có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh được Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch trước khi phát động phong trào thi đua.

Số lượng, đối tượng xét khen thưởng của mỗi chuyên đề được dự kiến trong kế hoạch, trong đó số lượng tập thể, cá nhân ở cấp cơ sở phải nhiều hơn cấp tỉnh (trừ chuyên đề đó chỉ có cấp tỉnh tham gia) và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Khen thưởng các đợt thi đua ngắn hạn theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh chủ trì, số lượng xét khen thưởng theo chỉ đạo của từng đợt, phù hợp với quy mô và phạm vi phát động (khi tổng kết đợt thi đua, cơ quan chủ trì trao đổi thống nhất với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về số lượng, đối tượng khen thưởng).

c) Khen thưởng tập thể, cá nhân chấp hành tốt chính sách pháp luật Nhà nước và hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước: Cục Thuế tỉnh chọn những tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, vượt chỉ tiêu từ 15% trở lên.

3. Khen thưởng đột xuất

a) Tập thể, cá nhân có thành tích cứu người, bảo vệ tài sản của nhân dân, của Nhà nước, gương tiêu biểu trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, gương người tốt, việc tốt.

b) Tập thể là cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh, cá nhân đang công tác, học tập tại các cơ quan, trường học trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền cử (hoặc cho phép) tham dự các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu trên tất cả các lĩnh vực do Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tổ chức với quy mô cấp quốc gia trở lên hoặc các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu quốc tế và đạt giải, cụ thể:

- Đạt giải khuyến khích trở lên tại các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu quốc tế.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba (hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu cấp quốc gia.

- Tập thể xếp hạng Nhất, Nhì, Ba toàn đoàn trong các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu cấp tỉnh do Lãnh đạo cấp tỉnh (Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh) làm Trưởng ban, Chủ tịch Hội đồng hoặc ký ban hành Kế hoạch tổ chức, Điều lệ (Thể lệ) giải thưởng.

- Huấn luyện viên, giáo viên trực tiếp huấn luyện, bồi dưỡng tập thể, cá nhân đạt giải quốc tế, giải Nhất (Huy chương Vàng) cấp quốc gia.

c) Tập thể có mức đóng góp từ 150 triệu đồng trở lên; cá nhân, hộ gia đình có mức đóng góp từ 70 triệu đồng trở lên; tập thể, cá nhân vận động đạt mức đóng góp 200 triệu đồng trở lên để xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, các hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo... nơi tiếp nhận vật chất (hoặc tiền) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tặng Bằng khen (qua Ban Thi đua - Khen thưởng). Những tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh có thành tích vận động tài trợ, được tính vào thành tích chung trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn để xem xét khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được trong năm (khen thưởng tổng kết năm).

d) Người tố cáo đúng, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức làm tốt công tác bảo vệ người tố cáo (được cơ quan có thẩm quyền kết luận). Tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định hiện hành về khen thưởng đối với người có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống tham nhũng.

e) Khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, được công nhận di tích, di sản

văn hóa cấp quốc gia. Số lượng tập thể, cá nhân được khen thưởng do cơ quan chuyên môn trao đổi với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tình đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không quá 02 trường hợp.

4. Khen thưởng đối ngoại: Tổ chức, cá nhân nước ngoài và ngoài tỉnh có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

Điều 15. Khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên).

Các hình thức và tiêu chuẩn xét đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG VÀ THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 16. Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng

1. Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Khoản 45, Khoản 46 Điều 1 Luật Thi đua, Khen thưởng sửa đổi năm 2013; Điều 80, Điều 81 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Điều 43, Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm, xã, phường, thị trấn, danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng.

3. Về tổ chức Lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài, trao tặng gồm: Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, "Giải thưởng Nhà nước", "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" phải được tổ chức trang trọng, nghiêm túc và tiết kiệm, thể hiện đúng ý nghĩa tôn vinh, tuyên dương để mọi người học tập.

a) Đối với danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, "Giải thưởng Nhà nước", "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trao tặng gắn với kỷ niệm các ngày Lễ, ngày truyền thống, họp mặt.

b) Đối với hình thức khen thưởng: Huân chương, Huy chương, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" tặng cho nhân dân, cán bộ, chiến sĩ về thành tích kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức trao tặng vào thời gian thích hợp tại địa phương với hình thức trang trọng, thiết thực.

c) Đối với danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp tỉnh do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,

thành phố, Giám đốc các doanh nghiệp tổ chức trao tặng cho tập thể, cá nhân tại hội nghị cán bộ công chức, hội nghị khách hàng hoặc kỷ niệm ngày thành lập ngành.

d) Không tổ chức riêng Lễ trao tặng, đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, trừ danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng", khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất, khen thưởng thành tích kháng chiến.

Điều 17. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt, trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Đối với cấp huyện: Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân phải có ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị xã ủy, Thành ủy đồng ý trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị về tỉnh.

Điều 18. Nguyên tắc đánh giá, bình xét thi đua

1. Đối với tập thể là thành viên khối, cụm thi đua của tỉnh: Căn cứ kết quả chấm điểm, bình xét thi đua của khối, cụm và cơ quan thẩm quyền cấp trên đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Phòng, ban và tương đương thuộc và trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; phòng, ban và tương đương thuộc và trực thuộc cấp huyện do Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

3. Việc đánh giá mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với cá nhân, căn cứ vào kết quả đánh giá công chức, viên chức hằng năm của cơ quan, đơn vị. Đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, căn cứ vào kết quả đánh giá của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 19. Quy trình xét thi đua, khen thưởng

1. Xét sáng kiến trước để làm cơ sở xét thi đua, khen thưởng.

2. Xét danh hiệu thi đua thấp trước để làm cơ sở xét danh hiệu thi đua cao hơn.

3. Thông qua Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp tổ chức họp bình xét thi đua, khen thưởng, chú trọng so sánh thành tích giữa các tập thể, cá nhân trong cuộc họp bình xét. Những trường hợp bắt buộc (Chiến sĩ thi đua tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc...) và những trường hợp trong thành viên Hội đồng có nhiều ý kiến khác nhau thì tiến hành bình xét bằng hình thức bỏ phiếu kín để đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

4. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở do người đứng đầu sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xem xét, công nhận.

Điều 20. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ và của Chủ tịch nước thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

2. Hồ sơ, thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành về thủ tục hành chính do cơ quan có thẩm quyền công bố, đang còn hiệu lực tại thời điểm trình khen thưởng.

3. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng

a) Mỗi danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn khác nhau. Vì vậy, báo cáo thành tích phải bám sát tiêu chuẩn, phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

b) Nội dung, hình thức báo cáo thành tích theo mẫu kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Biên bản và kết quả bình xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền, phải có trên 50% thành viên Hội đồng đồng ý. Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền cấp tỉnh trở lên, khi trình cấp trên xét khen thưởng phải có từ 2/3 thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở đồng ý (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

5. Đối với khen thưởng doanh nghiệp

a) Việc khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền (trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng đối với khen thưởng cấp Nhà nước; 02 năm đối với khen thưởng cấp tỉnh). Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

b) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách; chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm.

Điều 21. Tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 45, Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, khi đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên do Giám đốc doanh nghiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng, công nhận.

3. Các loại hình doanh nghiệp ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức cụm, khối thi đua, khi đề nghị tỉnh và Trung ương khen thưởng do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các loại hình doanh nghiệp trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp khi đề nghị tỉnh và Trung ương khen thưởng do Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Khen thưởng tập thể, cá nhân các hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Khen thưởng đột xuất về thành tích trong đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ trật tự an toàn xã hội thực hiện theo nguyên tắc vụ việc và thành tích diễn ra ở địa phương nào thì công an địa phương đó có trách nhiệm xét, trình cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

7. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chịu trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ đúng quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 22. Thời điểm trình khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (tổng kết năm) gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

a) Hồ sơ trình Cờ thi đua cấp tỉnh chậm nhất **ngày 28 tháng 02 hằng năm**.

b) Hồ sơ trình khen thưởng cấp Nhà nước và cấp tỉnh chậm nhất **ngày 15 tháng 3 hằng năm**. Ngành giáo dục và đào tạo chậm nhất **ngày 30 tháng 7 hằng năm** (bao gồm Cờ thi đua).

2. Khen thưởng đột xuất: Tập thể, cá nhân lập thành tích đột xuất thì trong thời hạn 05 ngày, Thủ trưởng các ngành, các cấp xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng để bảo đảm được tính nêu gương, kịp thời.

3. Khen thưởng chuyên đề: Khi tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề, Thủ trưởng các ngành, các cấp xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng trước khi tổ chức sơ kết, tổng kết ít nhất 05 ngày làm việc.

4. Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt giải các hội thi: Sau khi kết thúc hội thi không quá 10 ngày làm việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng. Đối với các hội thi tại tỉnh, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng ngay khi tổng kết hội thi.

Điều 23. Thông báo kết quả khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh cho cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng biết, chậm nhất là 10 ngày làm việc sau khi có kết quả xét duyệt.

2. Những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, không đưa ra Hội đồng hoặc Thường trực Hội đồng xem xét (Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định trả hồ sơ cho cơ quan, đơn vị đề nghị và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định).

Điều 24. Hiệp y khen thưởng, tổ chức lấy ý kiến nhân dân

1. Hiệp y khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Việc đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc tổ chức tôn giáo, tổ chức nước ngoài phải có ý kiến của Sở Nội vụ, Công an tỉnh và cơ quan có liên quan.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến nhân dân trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Cổng Thông tin điện tử, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh) đối với các hình thức khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 25. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận các đối tượng được khen thưởng (đối với khen thưởng kháng chiến) khi có yêu cầu.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 26. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện có từ 02 đến 03 Phó Chủ tịch, đại diện Lãnh đạo Cơ quan Tổ chức - Nội vụ (phụ trách công tác thi đua, khen thưởng) là Phó Chủ tịch Thường trực. Thành phần và số lượng Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng còn lại do Chủ tịch Hội đồng quyết định, nhưng tổng số thành viên Hội đồng không quá 15 thành viên.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ 6 tháng, năm, đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

d) Cơ quan Tổ chức - Nội vụ cấp huyện làm nhiệm vụ Thường trực của Hội đồng.

Điều 27. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Ủy viên Thường trực Hội đồng là công chức văn phòng thống kê (kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng). Thành phần và số lượng Ủy viên Hội đồng còn lại do Chủ tịch Hội đồng quyết định, nhưng tổng số thành viên Hội đồng không quá 11 thành viên.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ 6 tháng, năm, đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với nhiệm vụ phát triển của địa phương; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 28. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành tỉnh; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh.

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng. Thành phần và số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên Hội đồng còn lại do Chủ tịch Hội đồng quyết định nhưng tổng số thành viên Hội đồng không quá 09 thành viên; cơ quan, đơn vị có số lượng phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc từ 10 trở lên, có thể tăng số lượng thành viên Hội đồng nhưng không quá 11 (bao gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch).

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn: Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị:

a) Phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng hằng năm; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với cơ quan, đơn vị; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

c) Xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 29. Hội đồng sáng kiến các cấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến.

Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở (sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện): Do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn trên các lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 30. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng

1. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng thực hiện theo Chương VI Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và theo pháp luật hiện hành.

2. Khen thưởng cho nông dân, công nhân và người lao động thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quyết định khen thì cấp đó thưởng.

3. Cá nhân, tập thể đạt giải Nhất các hội thi cấp tỉnh (có cơ cấu giải thưởng) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen kèm theo tặng phẩm lưu niệm, không kèm tiền thưởng ngoài tiền thưởng do cơ cấu giải quy định.

4. Tập thể, cá nhân đạt thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc sẽ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen và mức tiền thưởng kèm theo có thể cao hơn mức quy định, mức thưởng cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Đối với các tập thể, cá nhân (kể cả người nước ngoài), các tổ chức quốc tế có thành tích đóng góp tiền, vật chất trong các cuộc vận động ủng hộ đồng bào bị thiên tai, địch họa, trong công tác từ thiện xã hội... được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong công tác thi đua, khen thưởng xây dựng, ban hành Quy chế của ngành, địa phương, đơn vị để thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh những vấn đề vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, kiểm tra, tổ chức thực hiện Quy chế này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và các tầng lớp nhân dân thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
Tỉnh Trà Vinh
19-07-2019 08:21:43 +07:00



Đông Văn Lâm